

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp, bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh C T, sinh năm 1986.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương G A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn V N, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Bà Nguyễn T N B, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã N, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương G A trình bày:

Trước đây, vào ngày 24/01/2019, ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B cùng ông Trịnh C T, chủ Hộ kinh doanh T cùng nhau thỏa thuận và ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để ông N và bà B nuôi tôm.

Theo thỏa thuận thì ông T bán cho ông N và bà B các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất dành cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi của mỗi bên. Về phương thức thanh toán, ông N và bà B phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông T khi thu hoạch tôm, trường hợp ông N và bà B nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông N và bà B theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng ông N và bà B đều không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận. Tuy nhiên, ông N và bà B đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2.2 của Hợp đồng. Cụ thể, vào ngày 09/04/2019, sau khi thu hoạch tôm, ông N và bà B đến cửa hàng của Hộ kinh doanh T thanh toán 10.000.000 đồng, khi ông T đề nghị ông N và bà B phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ còn lại là 36.700.000 đồng thì ông N và bà B nói tôm thất nên không có khả năng thanh toán, các bên cũng thống nhất ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ. Đến ngày 11/04/2019, ông T có đến nhà gặp ông N và bà B để trao đổi về việc thanh toán đối với số nợ còn lại, lúc này ông N và bà B đồng ý ký cam kết thanh toán số tiền 36.700.000 đồng cho ông T vào ngày 11/06/2019. Tuy nhiên, đến thời hạn trên ông N và bà B không thanh toán nên vào ngày 19/07/2019, ông T phải đến nhà gặp ông N và bà B, lúc này ông bà tiếp tục hứa hẹn, ký cam kết vào ngày 15/09/2019 sẽ thanh toán 20.000.000 đồng cho ông T nhưng đến thời gian trên ông N và bà B lại không thực hiện. Đến ngày 23/12/2019, ông N và bà B chỉ gửi được 1.000.000 đồng, ông bà cam kết thanh toán đủ số tiền còn lại là 35.700.000 đồng trong tháng 3 năm 2020. Tuy nhiên, đến ngày 30/03/2020, ông N và bà B chỉ gửi được 500.000 đồng, các bên ký xác nhận công nợ còn lại là 35.200.000 đồng. Vào ngày 23/05/2020, ông N và bà B gửi thêm 1.000.000 đồng, lúc này bà B đại diện ký cam kết chậm nhất hai tháng sau (tức vào ngày 23/07/2020) sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho ông T là 34.200.000 đồng. Thế nhưng, đến thời hạn trên ông N và bà B vẫn không thanh toán số tiền trên cho ông T.

Nay ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trịnh C T, đại diện Hộ kinh doanh T số tiền là 29.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B:

Ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà B vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 29.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng mua bán đề ngày 24/01/2019 có bên mua là bà Nguyễn T N B và ông Nguyễn V N, “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng” đề ngày 05/4/2021 công nợ là 29.500.000 đồng, khách hàng bà Nguyễn T N B đã ký; sổ ghi chép việc mua hàng có chữ ký của ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B; Biên bản “Cam kết thanh toán về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán” đề ngày 23/12/2019, bà Nguyễn T N B đã ký.

Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông N và bà B còn nợ lại là 29.500.000 đồng và đều có chữ ký xác nhận của ông N, bà B. Ông N và bà B đã được Toà án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trịnh C T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B. Ông N và bà B đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông N và bà B chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông N và bà B còn nợ của ông T số tiền là 29.500.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trịnh C T yêu cầu ông N và bà B trả số tiền nợ 29.500.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh C T đại diện Hộ kinh doanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2

Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T.

2. Buộc ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trịnh C T là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền nợ gốc là 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh C T là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 737.000 đồng (bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009864 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Nguyễn V N và bà Nguyễn T N B phải liên đới nộp án phí dân sự là 1.475.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến